

Số: /BC-MN

Phúc Khánh, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ Văn bản số 929/SGDDĐT-KHTC ngày 20/9/2025 V/v báo cáo thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025;

Trường MN số 1 Phúc Khánh báo cáo kết quả thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2024 - 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Báo cáo tóm tắt về đặc điểm tình hình của nhà trường, số lượng giáo viên, biên chế, nhân viên, các tổ chức trong nhà trường.

- Trường mầm non số 1 Phúc Khánh, là trường thuộc xã đặc biệt khó khăn. Từ năm học 2021-2022 đến 2024-2025 nhà trường có 01 trường chính và 04 điểm trường lẻ. Từ năm học 2021-2022 đến 2024-2025 nhà trường duy trì ổn định 10 nhóm lớp.

- Đội ngũ: Tổng số CBQL, GV, NV: 24. Trong đó chia ra:

+ CBQL: 03; Trình độ CM: ĐHSMPN: 03

+ Giáo viên: 20; Trình độ CM: ĐHSMPN: 17; CĐSPMN: 03.

+ Nhân viên: 01; Trình độ CM: 01 CĐVT

- Học sinh: Tổng số lớp: 10 lớp, số học sinh: 203 trẻ.

+ Tổng số học sinh được hưởng chế độ NĐ 238: 184/185 trẻ; Chế độ ăn bán trú trẻ nhà trẻ theo NĐ 66: 36/42 trẻ; Chế độ ăn bán trú trẻ MG theo NĐ 105: 149/161 trẻ.

- Tình hình CSVC: Tổng số phòng học 10 phòng, kiên cố 10 phòng, bán kiên cố 0 phòng. Thiếu các phòng chức năng.

- Thuận lợi

+ Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Phòng GD&ĐT huyện Bảo Yên qua các văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể; sự chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành đoàn thể phối hợp cùng nhà trường trong công tác tuyên truyền về công tác vận động học sinh ra lớp và huy động xã hội hóa giáo dục.

+ Nhận thức của đa số phụ huynh về trách nhiệm trong công tác phối hợp cùng nhà trường thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ được nâng cao.

- Khó khăn

+ Còn một số ít phụ huynh nhận thức chưa sâu rộng về tầm quan trọng của cấp học mầm non nên chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ ở lớp cũng như tại nhà.

+ Phụ huynh trẻ nên đi làm ăn xa nhiều, trẻ chủ yếu ở với ông bà và người thân nên việc nắm bắt thông tin cũng như tham gia các hoạt động chưa được thường xuyên.

2. Đánh giá chung việc thực hiện thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, hoạt động xã hội hóa giáo dục tại cơ sở.

- Được SGD&ĐT hướng dẫn chi tiết các khoản thu, mức thu theo quy định hiện hành.

- Được sự đồng thuận của lãnh đạo chính quyền xã, bà con nhân dân và cha mẹ học sinh cùng toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Nhà trường đã lập kế hoạch vận động nhân dân, các mạnh thường quân ủng hộ và hỗ trợ nhà trường.

- Tuyên truyền đầy đủ thông tin, nội quy, quy định các khoản thu và ủng hộ tới toàn thể phụ huynh học sinh, nhân dân trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Triển khai nội dung thỏa thuận dịch vụ sau khi có văn bản hướng dẫn của cấp trên, thông qua các buổi họp xin ý kiến trực tiếp với phụ huynh học sinh.

- Niêm yết các nội dung cần thỏa thuận đã được phụ huynh đồng ý, nếu không có ý kiến điều chỉnh bổ sung, nhà trường tiếp tục thực hiện các bước theo quy trình.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục của cấp trên, nhà trường triển khai tới toàn thể giáo viên, phụ huynh và thực hiện.

2. Việc chỉ đạo và triển khai thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các khoản thu khác ngoài Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND, ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh Lào Cai, NQ quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ để phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở GDMN, phổ thông và GDTX công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Lào Cai, Nghị quyết Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Nghị quyết số 04/2023NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22/8/2024 của HĐND tỉnh Lào Cai về Quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Thực hiện công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026; Công văn số 2268/UBND-VX ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

3. Việc quản lý, thống nhất, hướng dẫn, giám sát các khoản thu, chi do Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thu, chi.

- Nhà trường triển khai đầy đủ các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo theo quy định của cấp trên tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh.

- Thực hiện triệu tập các cuộc họp nội bộ, họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, mời chính quyền địa phương dự họp, xin ý kiến các nội dung dịch vụ được phép thỏa thuận với phụ huynh để phục vụ trực tiếp cho người học, theo quy định tại các văn bản hướng dẫn.

- Thống nhất, xin ý kiến các nội dung thỏa thuận với toàn thể phụ huynh học sinh tại các nhóm lớp thông qua buổi họp phụ huynh các lớp, có biên bản các ý kiến thỏa thuận của phụ huynh và phải được 100% phụ huynh cho ý kiến, ký nhận.

- Nhà trường thực hiện quy trình theo 8 bước đảm bảo theo quy định, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. Việc quyết toán các khoản thu, chi dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

a) Tổng kinh phí từ các khoản thu từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024 - 2025, gồm:

- Kinh phí thu theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Kinh phí do Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thu, chi.

- + Các khoản thu.
- + Các khoản chi.
- Các khoản thu nộp khác.
- + Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục được triển khai từ cơ quan quản lý giáo dục cấp trên.

b) Kết quả sử dụng các khoản thu trên.

c) Số liệu báo cáo chi tiết theo các phụ lục kèm theo

Căn cứ nhu cầu thực tế các nội dung phục vụ trực tiếp cho người học, căn cứ các Nghị quyết, Quyết định cho phép thỏa thuận các hạng mục dịch vụ của cấp trên, nhà trường trình hồ sơ xin ý kiến phê duyệt các nội dung cụ thể theo từng năm học, căn cứ vào Quyết định phê duyệt các nội dung theo từng năm học, nhà trường tiến hành triển khai, huy động.

*** Kết quả thực hiện các năm**

- Năm học 2021-2022 nhà trường được phê duyệt thực hiện các khoản thu dịch vụ như sau:

TT	Các khoản thu Thỏa Thuận	Đơn vị tính	Số tiền thu/học sinh/năm	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn bán trú	Năm học		199.908.000	199.908.000	
2	Nhiên liệu nấu ăn	Năm học		16.821.00	16.821.00	
3	Khen thưởng cuối năm	Năm học		13.350.000	13.350.000	
4	Nước uống	Năm học		4.212.000	4.212.000	
5	Mua đồ dùng HS bán trú	Năm học		8.040.000	8.040.000	
6	Mua đồ dùng vệ sinh	Năm học		16.884.000	16.884.000	

- Năm học 2022-2023 nhà trường được phê duyệt thực hiện các khoản thu dịch vụ như sau:

STT	Các khoản thu Thỏa Thuận	Đơn vị tính	Số tiền thu/học sinh/năm	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn	Năm học		252.744.000	252.744.000	
2	Nước uống	Năm học	45.000	10.950.000	10.950.000	
3	Mua đồ dùng HS bán trú	Năm học	50.000	11.805.000	11.805.000	
4	Khen thưởng học	Năm học	30.000	6.927.000	6.927.000	

	sinh					
5	Đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Năm học	45.000	10.623.000	10.623.000	
6	Mua vật liệu làm đồ dùng, trang trí lớp	Năm học	50.000	11.805.000	11.805.000	

- Năm học 2023-2024 nhà trường được phê duyệt thực hiện các khoản thu dịch vụ như sau:

STT	Các khoản thu Thỏa Thuận	Đơn vị tính	Số tiền thu/học sinh/năm	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn	Năm học		250.299.000	250.299.000	
2	Trang trí lớp	Năm học	50.000	12.378.000	12.378.000	
3	Khen thưởng cuối năm	Năm học	30.000	7.470.000	7.470.000	
4	Nước uống	Năm học	45.000	11.140.000	11.140.000	
5	Mua đồ dùng HS bán trú	Năm học	50.000	12.378.000	12.378.000	
6	Đồ dùng vệ sinh	Năm học	45.000	11.140.000	11.140.000	

- Năm học 2024-2025 nhà trường được phê duyệt thực hiện các khoản thu dịch vụ như sau:

STT	Các khoản thu Thỏa Thuận	Đơn vị tính	Số tiền thu/học sinh/năm	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn	Năm học		213.189.000	213.189.000	

III. ƯU ĐIỂM, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

1. Ưu điểm

- Các chế độ chính sách đang thực hiện tại nhà trường đã nhận được sự quan tâm của giáo viên, sự ủng hộ của chính quyền địa phương, phụ huynh, nhân dân quan tâm, ủng hộ.

- Trường MN số 1 Phúc Khánh đã triển khai, cụ thể hóa chính sách, cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chính sách, pháp luật; quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, phải được ưu tiên đi trước.

- Hoạt động quản lý học sinh đã đi vào nề nếp; kỷ cương trường học được duy trì; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện; cảnh quan

trường, lớp gọn gàng, sạch đẹp. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định về quản chế độ chính đối với nhà giáo, học sinh.

2. Hạn chế, khó khăn

- Công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường còn hạn chế, đặc biệt là xã hội hóa giáo dục tự nguyện ủng hộ bằng tiền mặt, vật chất.

- Số lượng ngày công, vật liệu phụ huynh ủng hộ chưa nhiều, thời gian ủng hộ chậm so kế hoạch.

3. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

- Điều kiện kinh tế người dân gặp nhiều khó khăn, không có thu nhập kinh tế ổn định.

- Một số phụ huynh ỷ lại vào nhà trường, chông chờ chế độ chính sách của nhà nước.

- Một bộ phận nhỏ phụ huynh chưa quan tâm đến công tác xây dựng trường, lớp, chưa hợp tác tốt trong công tác xã hội hóa giáo dục.

IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với HĐND tỉnh

- Hỗ trợ thêm nguồn kinh phí để thuê cấp dưỡng đảm bảo mức lương tối thiểu nhằm thu hút lao động lâu dài của nhà trường và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở các thể.

2. Đối với UBND tỉnh

- Đề xuất Chính phủ xem xét nâng mức hỗ trợ ăn trưa cho trẻ MG theo ND 105/ND-CP bằng với mức hỗ trợ dành cho trẻ nhà trẻ theo ND 66/ND-CP (tăng từ 160.000 đồng lên 360.000 đồng).

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục đầu tư, hỗ trợ, chung tay đẩy mạnh việc thực hiện, bổ sung, nâng cấp, đầu tư CSVC, thiết bị dạy học đảm bảo công tác, hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chi tiết danh mục các khoản thu, mức thi và cơ chế quản lý thu - chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục năm 2025-2026 phù hợp với từng cấp học.

3. Đối với UBND xã, phường

- Tham mưu với UBND tỉnh cấp kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp trường, lớp học và mua sắm đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các lớp MG đảm bảo đủ theo danh mục quy định.

V. ĐỀ XUẤT CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TỪ NĂM HỌC 2025-2026.

S t t	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu đề xuất năm học 2025-2026					Căn cứ pháp lý đề nghị thực hiện
			Mã m non	Tiê u học	TH CS	TH PT	GD TX	
1	Dịch vụ ăn uống, bán trú	Học sinh/ngày						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày 03/9/2 025 của Chính phủ
2	Dịch vụ đưa đón người học	Học sinh/thán g						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày 03/9/2 025 của Chính phủ
3	Dịch vụ y tế học đường	Học sinh/thán g						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày

S t t	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu đề xuất năm học 2025-2026					Căn cứ pháp lý đề nghị thực hiện
			Mã m non	Tiê u học	TH CS	TH PT	GD TX	
								03/9/2025 của Chính phủ
4	Dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp	Học sinh /năm học						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ
5	Dịch vụ thư viện;	Học sinh /năm học						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

S t t	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu đề xuất năm học 2025-2026					Căn cứ pháp lý đề nghị thực hiện
			Mã m non	Tiê u học	TH CS	TH PT	GD TX	
6	Dịch vụ công nghệ, học tập số;	Học sinh /năm học						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày 03/9/2 025 của Chính phủ
7	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống;	Học sinh /buổi						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày 03/9/2 025 của Chính phủ
8	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ;	Học sinh/giờ						khoản 4, điều 3 của Nghị định số 238/20 25/NĐ -CP ngày

S t t	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu đề xuất năm học 2025-2026					Căn cứ pháp lý đề nghị thực hiện
			Mã m non	Tiê u học	TH CS	TH PT	GD TX	
								03/9/2025 của Chính phủ
9	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác.							
	các đơn vị bổ sung ưu tiên thứ tự theo tính cấp thiết							
9 . 1	Đồ dùng vệ sinh	Học sinh/năm học	50					
9 . 2	Nước sinh hoạt	Học sinh/năm học	70					
9 . 3	Mua sắm vật tư đồ dùng cho học sinh bán trú	Học sinh/năm học	50					
9 . 4	Mua đồ dùng và dụng cụ vệ sinh	Học sinh/năm học	50					
9 . 5	Mua vật liệu tự làm đồ dùng, đồ chơi trang trí nhóm, lớp	Học sinh/năm học	50					

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;

- Lưu: NT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phương Nga